



曲折缝缝纫机

ZIGAG SEWING MACHINE

零件手册

PARTS BOOK

中国·中捷缝纫机股份有限公司
ZOJE SEWING MACHINE CO., LTD.

目 录

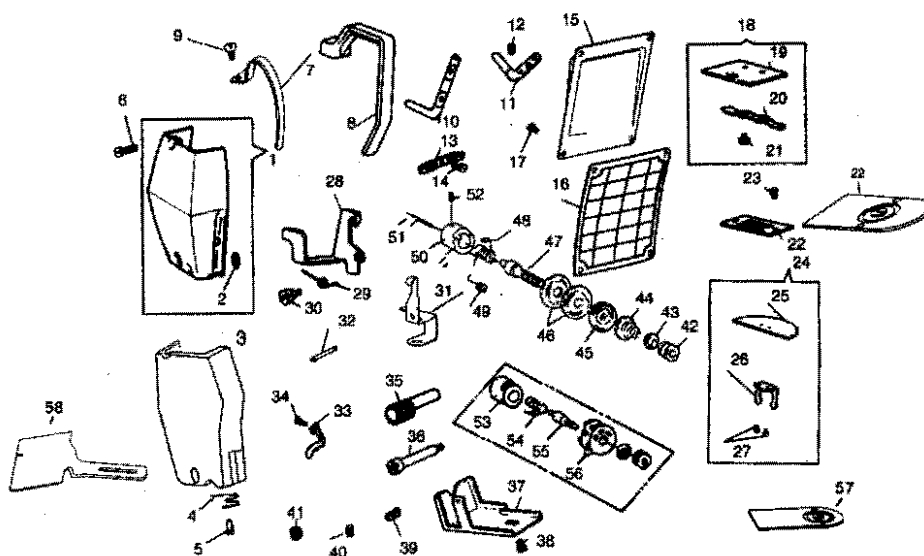
机壳组件.....	1
绕线器、上盖组件.....	3
挑线刺布组件.....	4
勾线组件.....	6
勾线组件.....	7
送料组件.....	8
差动、油盘组件.....	9
摆针组件.....	10
摆针花模组件.....	11
压脚组件.....	12
倒顺针距组件.....	13
附件.....	14
皮带罩、过线器、绕线器、膝提组件.....	15
备用件.....	16

CONTENTS

COMPONENTS OF HOUSING.....	1
BOBBIN WINDER UPPER COVER COMPONENTS.....	3
STITCH-EMBROIDERY COMPONENTS.....	4
THREAD-HOOK COMPONENTS.....	6
THREAD-HOOK COMPONENTS.....	7
MATERIAL-FEEDING COMPONENTS.....	8
DIFFERENTIAL,OIL COMPONENTS.....	9
COMPONENTS OF SWAYING NEEDLE.....	10
COMPONENTS OF SWAYING NEEDLE.....	11
COMPONENTS OF PRESSER FOOT.....	12
COMPONENTS OF NEEDLE DISTANCE OF REVERSAL STITCH.....	13
ACCESSARY.....	14
BELT COVER/THREAD-RUNNING COMPONENTS/BOBBIN WINDER/KNEE LIFTER ASSEMBLY.....	15
STANDBY PARTS.....	16

机壳组件

COMPONENTS OF HOUSING

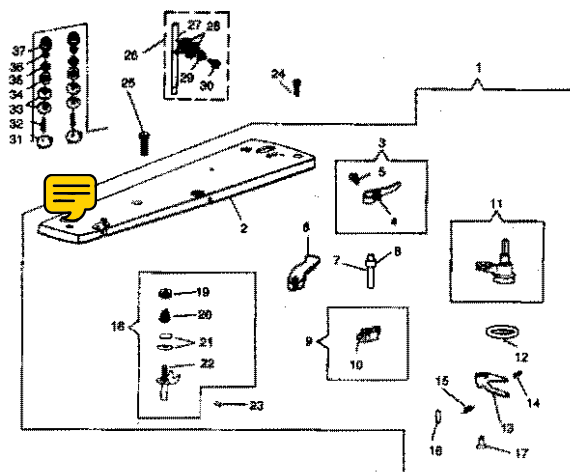


序号 NO	件 号 PART NO.	20023	20023D	20033	20043	20053	20053A	20053B	20053C	200143	457A	457B	457C	457D	数量 QTY	名 称 DESCRIPTION	
1	GR245/3-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	面板组件	Panel components
	GR406/3-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	面板组件	Panel components
2	GR232-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	面板线勾	Panel thread hook
3	GK158-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	面板	Panel
4	GW242-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	面板线勾	Panel thread hook
5	GZ374-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	面板线勾针	Panel thread hook needle
6	GS132-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	面板螺钉	Panel screw
	GS375-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	面板螺钉	Panel screw
7	GK134-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	挑线杆防护罩	Stitch-staff shield
	GK146-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	挑线杆防护罩	Stitch-staff shield
	GK140-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	挑线杆防护罩	Stitch-staff shield
8	GK161-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	挑线杆防护罩	Stitch-staff shield
9	GS223-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	挑线杆防护罩螺钉	Stitch-staff shield screw
	GS379-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	挑线杆防护罩螺钉	Stitch-staff shield screw
10	GR412-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	双孔过线架	Double hole thread-running rack
11	GR233-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	三眼线勾	3-eyelet hole thread hook
	GR364-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	二眼线勾	2-eyelet hole thread hook
12	GS139-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	三眼线勾螺钉	3-eyelet hole thread hook screw
13	GR231-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	双过线架	Thread-running rack
14	GS223-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	双过线架螺钉	Thread-running rack screw
15	GK133-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	后盖板	Back cover
	GK145-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	后盖板	Back cover
16	GK160-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	后盖板	Back cover
17	GS132-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	4	后盖板螺钉	Back cover screw
18	GR476/4-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	推板组件	Pushing plate components
19	GM132-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	推板	Pushing plate
20	GW131-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	推板簧	Pushing plate spring
21	GS133-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	推板簧螺钉	Pushing plate spring screw
22	GM131-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针板	Needle plate
	GM156-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针板	Needle plate
	GM205-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针板	Needle plate
	GM203-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针板	Needle plate
23	GS338-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	针板螺钉	Needle plate screw
24	GR477/4-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针板内盖板组件	Inner cover plate components
25	GM130-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针板内盖板	Inner cover plate
26	GW130-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针板内盖板簧	Inner cover plate spring
27	GS255-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	针板内盖板螺钉	Inner cover plate screw
28	GR241-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	松线杆	Thread-releasing lever
29	GR373-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	松线杆	Thread-releasing lever
	GW135-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	松线杆扭簧	Thread-releasing lever spring
30	GS148-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	松线杆螺钉	Thread-releasing lever screw
31	GR397-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	松线定位座	Locating base of presser
32	GX180-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下过线钩	Lower thread-running hook
33	GR230-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下过线钩	Lower thread-running hook
34	GS137-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下过线钩螺钉	Lower thread-running screw

序号 NO	件 号 PART NO.	20U23	20U25D	20U33	20U43	20U53	20U53A	20U53B	20U53C	20U63	20U143	457A	457B	457C	457D	数量 QTY	名 称 DESCRIPTION	
35	GT150-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	直缝锁紧偏心套	Linear lock eccentric shield
	GT159-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	直缝锁紧偏心套	Linear lock eccentric shield
36	GS264-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	直缝锁紧偏心套螺钉	Linear lock eccentric shield screw
37	GK130-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭防护罩	Rotating shuttle shield
38	GS132-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭防护罩螺钉	Rotating shuttle shield screw
39	GX191-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	偏心套顶柱	Eccentric shield stress ploe
40	GW179-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	偏心套压簧	Eccentric shield stress spring
41	GS288-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	压簧螺钉	Stress spring screw
42	GL130-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	夹线螺母	Thread-holding nut
	GL176-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	夹线螺母	Thread-holding nut
43	GR239-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	夹线制动板	Thread-holding brake
44	GW133-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	夹线簧	Thread-holding spring
	GW208-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	夹线簧	Thread-holding spring
45	GR238-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	松线板	Thread-releasing plate
46	GR237-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	夹线板	Thread-holding plate
47	GS145-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	夹线螺钉	Thread-holding screw
48	GW134-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	挑线簧	Stitch spring
49	GS146-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	夹线器螺钉紧固螺钉	Thread-holding fixing screw
50	GR372-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	挑线簧调节座	Stitch-spring adjusting base
51	GX132-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	松线钉	Thread-releasing needle
52	GS147-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	夹线器固定螺钉	Thread-hold fixing screw
53	GR370-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	挑线簧调节座	Stitch spring adjuster
54	GW170-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	挑线簧	Stitch spring
55	GS261-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	挑线簧螺钉	Stitch spring screw
56	GR367/3-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	挑线导线圈部件	Stitch-guiding part
57	GM220-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	圆形针板	Rounded Needle plate
58	GR1320-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*		垫板	Spacer

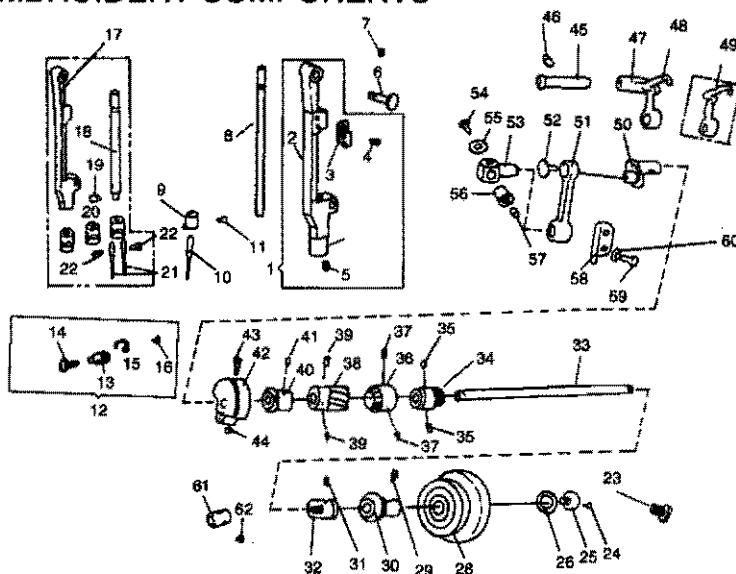
绕线器、上盖组件

BOBBIN WINDER UPPER COVER COMPONENTS



序号 NO	件 号 PART NO.	20123	20123Q	20133	20143	20153	20153A	20153B	20153C	20163	20143	457A	457B	457C	457D	数量 QTY	名 称 DESCRIPTION	
1	GR483/27-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上盖组件	Upper cover components
	GR781/28-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上盖组件	Upper cover components
2	GK132-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上盖	Upper cover
	GK141-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上盖	Upper cover
	GK148-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上盖	Upper cover
	GK159-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上盖	Upper cover
	GK147-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上盖	Upper cover
3	GR480/2-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	线量调节压板组件	Volume adjusting plate components
4	GR377-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	线量调节压板	Volume adjusting plate
5	GS273-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	线量调节压板螺钉	Volume adjusting plate screw
6	GR726-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	线量调节压板	Volume adjusting plate
7	GZ202-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	线量调节轴	Volume adjusting spindle
	GZ246-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	线量调节轴	Volume adjusting spindle
8	GO218-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	线量调节轴挡圈	Washer
9	GR481/2-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	绕线定位块	Locating block
10	GS222-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	绕线定位块螺钉	Locating block set screw
11	GR405/8-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	绕线芯轴组件	Axis components
	GR780/9-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	绕线芯轴组件	Axis components
12	GO207-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	橡胶圈	Rubber circle
	GO284-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	橡胶圈	Rubber circle
13	GR375-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	绕线摆柄	Thread-winding swaying handle
14	GW173-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	绕线摆柄压簧	Swaying handle presser spring
15	GW174-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	绕线摆柄拉簧	Swaying handle presser spring
16	GX182-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	拉簧销钉	Extension spring pin
17	GS272-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	绕线曲柄螺钉	Crank screw
	GX218-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	绕线曲柄销	Crank screw
18	GR482/6-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上夹线器	Upper thread-running plate
	GR778/6-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上夹线器	Upper thread-running plate
19	GL162-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上夹线螺母	Upper thread-running plate nut
	GL175-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上夹线螺母	Upper thread-running plate nut
20	GW175-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上夹线簧	Upper thread-running plate spring
21	GR379-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	上夹线柄	Upper thread-running pole
22	GR403/2-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上过线板组件	Upper thread-running plate components
23	GS275-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上过线板螺钉	Fixing screw
24	GS142-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上盖后螺钉	Upper cover back screw
25	GS140-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上盖定位螺钉	Upper cover set screw
	GS376-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	上盖螺钉	Upper cover screw
26	GR234/5-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	过线器部件	Thread-running components
27	GR235-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	过线柱	Thread-running pole
	GR365-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	过线柱	Thread-running pole
28	GR236-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	过线夹线板	Thread-running plate
29	GW132-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	过线夹线簧	Thread-running spring
30	GS141-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	过线夹线螺钉	Thread-running holding screw
31	GL160-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	夹线螺母	Thread-holding nut
32	GS260-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	夹线螺钉	Thread-holding screw
33	GR237-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	4	夹线板	Thread-holding plate
34	GR369-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	夹线簧座	Thread-holding spring
35	GW133-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	夹线簧	Thread-holding spring
36	GR239-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	夹线制动板	Thread-holding brake
37	GL160-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	夹线螺母	Thread-holding nut

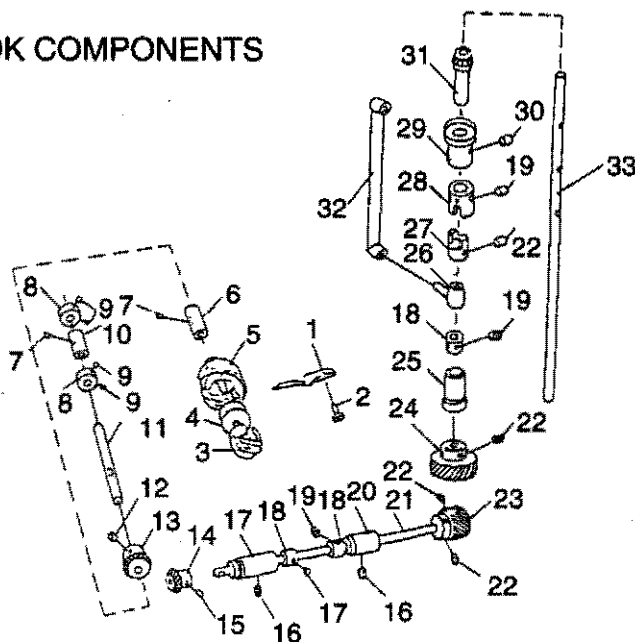
STITCH-EMBROIDERY COMPONENTS



序号 NO	件 号 PART NO.	20123	20123D	20133	20143	20153	20153A	20153B	20153C	20163	201143	457A	457B	457C	457D	数量 QTY	名 称 DESCRIPTION	
1	GR485/5-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针杆摆动架组件	Swaying rack of needle staff components
2	GR251-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针杆摆动架	Swaying rack of needle staff
3	GR255-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针杆定位片	Locating plate of needle staff
4	GS163-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	针杆定位片螺钉	Locating plate screw
5	GS158-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针杆偏心销螺钉	Eccentric pin screw of needle staff
6	GX143-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针杆摆动架销	Pin of swaying rack
7	GS164-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针杆摆动架销螺钉	Pin of swaying rack screw
8	GZ223-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针杆	Needle bar
	GZ140-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针杆	Needle bar
9	GR252-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针杆线勾	Thread-hook of needle staff
10	GV130-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	机针	Needle
11	GS159-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	机针锁定螺钉	Locking screw of needle
12	GR484/4-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针夹组件	Needle clamp components
13	GR467-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针夹	Needle clamp
14	GS280-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	线勾螺钉	Thread-hook screw
15	GR466-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针杆线勾	Thread-hook of needle staff
16	GS289-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	机针锁定螺钉	Needle lock screw
17	GR361-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针杆摆动架	Needle bar swaying rack
18	GZ200-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	双针针杆	Double needle needle bar
19	GS202-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	双针针头锁定螺钉	Double needle clamping lock screw
20	GR360-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	双针针头 A(选购)	Double needle clamping A
	GR360B-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	双针针头 B(选购)	Double needle clamping B
	GR360C-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	双针针头 C(选购)	Double needle clamping C
21	GV130-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	机针	Needle
22	GS262-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	机针锁定螺钉	Needle lock screw
23	GS254-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轮吊架螺钉	Clamping screw of upper wheel
24	GS279-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	离合小螺钉	Clutch little screw
25	GP151-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	离合手轮	Clutch wheel
26	GR380-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	离合垫圈	Clutch washer
28	GP142-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轮	Upper wheel lock screw
	GP130-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轮	Upper wheel
29	GS280-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轮套螺钉	Sleeve screw
30	GO209-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轮套圈	Sleeve of upper wheel
31	GS277-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轴后轴套螺钉	Back sleeve of upper shaft
	GS173-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轴后轴套锁定螺钉	Fastening screw of back sleeve
32	GO208-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轴后轴套	Back sleeve of upper shaft
	GO144-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轴后轴套	Back sleeve of upper shaft
33	GZ141-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轴	Upper shaft
	GZ207-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轴	Upper shaft
	GZ203-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轴	Upper shaft
	GZ248-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轴	Upper shaft
34	GT153-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	送布凸轮	Cam of cloth-feeding
35	GS251-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	送布凸轮螺钉	Cam of cloth-feeding screw
36	GC131-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轴弧齿锥齿轮	Arc-cone gear (upper shaft)
37	GS167-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	上轴弧齿锥齿轮	Screw or arc-cone gear

勾线组件

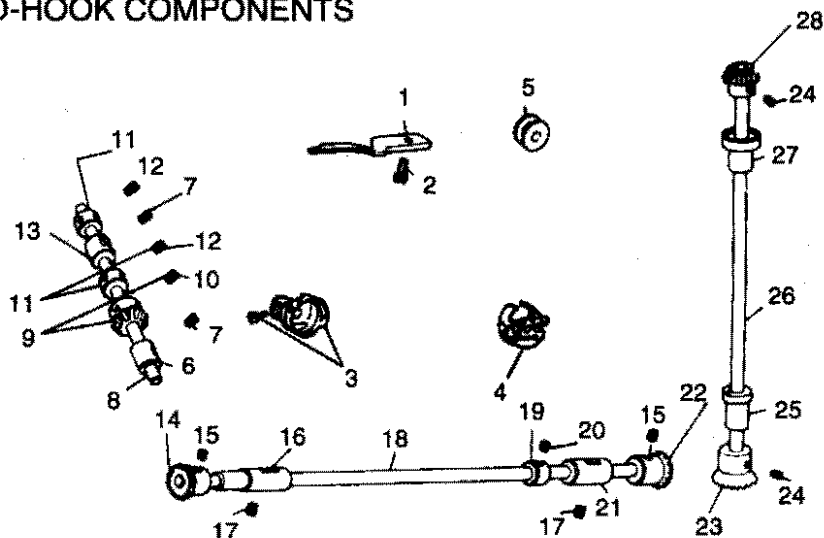
THREAD-HOOK COMPONENTS



序号 NO	件 号 PART NO.	20U22	20U23D	20U23	20U43	20U53	20U53A	20U53B	20U53C	20U143	457A	457B	457C	457D	数量 QTY	名 称 DESCRIPTION
1	GR278-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭定位板 Locating plate of rotating shuttle
2	GS256-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭定位板螺钉 Screw of locating plate
3	GM131-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	梭子 Shuttle
4	GN135-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	梭心 Shuttle core
5	GN130-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭 Rotating shuttle
6	GO163-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭前轴套 Front sleeve of rotating shuttle shaft
7	GS201-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	旋梭前轴套螺钉 Screw of front sleeve
8	GO164-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	旋梭轴挡圈 Retainer of rotating shuttle shaft
9	GS202-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	4	旋梭轴挡圈螺钉 Retainer screw
10	GO165-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭轴后轴套 Back sleeve of rotating shuttle shaft
11	GZ164-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭轴 Rotating shuttle shaft
12	GS167-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	旋梭轴弧齿锥齿轮螺钉 Screw arc-cone gear
13	GC141-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭轴弧齿锥齿轮 Arc-cone gear of rotating shuttle shaft
14	GC140-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下轴弧齿锥齿轮 Arc-cone gear of lower shaft
15	GS199-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	下轴弧齿锥齿轮螺钉 Screw of arc-cone gear
16	GS147-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	下轴前后轴套螺钉 Screw
17	GO162-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下轴前轴套 Front sleeve of lower shaft
18	GO216-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下轴前轴套 Front sleeve of lower shaft
19	GO158-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	3	下轴(立轴)挡圈 Lower shaft retainer
20	GS199-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	6	下轴挡圈螺钉 Retainer screw of lower shaft
21	GO161-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下轴后轴套 Back sleeve of lower shaft
22	GO215-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下轴后轴套 Back sleeve of lower shaft
23	GZ163-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下轴 Lower shaft
24	GZ210-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下轴 Lower shaft
25	GS167-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	6	差动齿轮螺钉 Screw of differential gear
26	GC139-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下轴差动齿轮 Differential gear
27	GC137-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	立轴差动齿轮 Differential gear
28	GO159-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	立轴下轴套 Lower sleeve of vertical shaft
29	GO157-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	差动滑套 Differential shaft sliding-cover
30	GO156-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下离合套筒 Lower clutch sleeve
31	GO155-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上离合套筒 Upper clutch sleeve
32	GS198-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	立轴上轴套 Upper sleeve of vertical shaft
33	GC136-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	立轴上轴套螺钉 Screw of upper sleeve
	GH168-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	立轴弧齿锥齿轮 Arc-cone gear
	GZ162-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	大差动连杆 Differential connecting bar
		*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	立轴 Vertical shaft

勾线组件

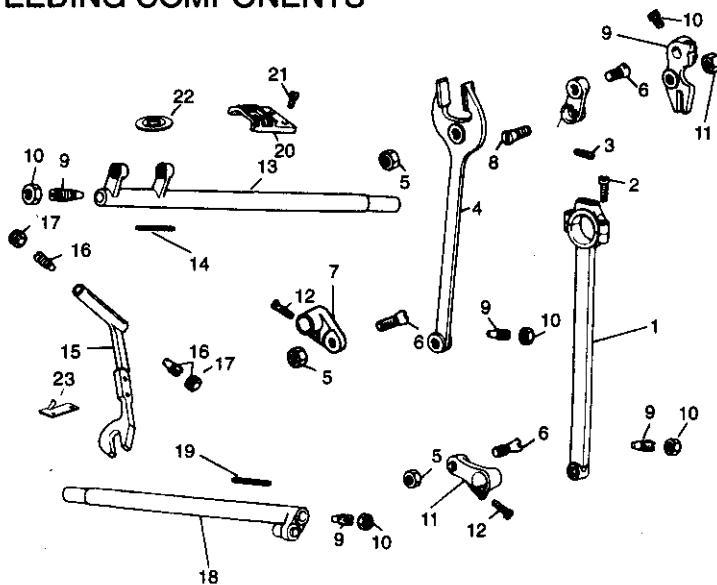
THREAD-HOOK COMPONENTS



序号 NO	件 号 PART NO.	20U23	20U23D	20U33	20U43	20U53	20U53A	20U53B	20U53-5	20U53	20U143	457A	457B	457C	457D	数量 QTY	名 称 DESCRIPTION	
1	GR278-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭定位板	Locating plate of rotating shuttle
2	GS256-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭定位板螺钉	Screw of locating plate
3	GN130-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭	Shuttle
4	GN131-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	梭子	Shuttle core
5	GN135-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	梭芯	Rotating shuttle
6	GO163-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭轴前轴套	Front sleeve of rotating shuttle shaft
7	GS201-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	旋梭轴轴套螺钉	Screw of front sleeve
8	GZ164-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭轴	Rotating shuttle shaft
9	GC141-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭轴弧齿锥齿轮	Screw arc-cone gear
10	GS167-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	旋梭轴弧齿锥齿轮螺钉	Arc-cone gear of rotating shuttle shaft
11	GO164-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	旋梭轴挡圈	Retainer of rotating shuttle shaft
12	GS202-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	4	旋梭轴挡圈螺钉	Retainer screw
13	GO165-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	旋梭轴后轴套	Back sleeve of rotating shuttle shaft
14	GC140-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下轴弧齿锥齿轮(左)	Arc-cone gear of lower shaft(left)
15	GS199-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	4	下轴弧齿锥齿轮螺钉	Screw of lower shaft
16	GO162-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下轴前轴套	Front sleeve of lower shaft
17	GS147-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	下轴前后轴套螺钉	Screw of arc-cone gear
18	GZ225-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下轴	Lower shaft
19	GO232-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下轴挡圈	Lower shaft retainer
20	GS199-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	4	下轴挡圈螺钉	Retainer screw of lower shaft
21	GO231-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下轴后轴套	Back sleeve of lower shaft
22	GC151-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	下轴弧齿锥齿轮(右)	Arc-cone gear of lower shaft(right)
23	GC152-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	立轴弧齿锥齿轮(下)	Arc-cone gear of vertical shaft(lower)
24	GS199-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	4	立轴弧齿锥齿轮螺钉	screw of differential gear
25	GO229-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	立轴下轴套	Lower sleeve of vertical shaft
26	GZ224-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	立轴	Vertical shaft
27	GO228-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	立轴上轴套	Upper sleeve of vertical shaft
28	GC150-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	立轴弧齿锥齿轮(上)	Arc-cone gear of vertical shaft(upper)

送料组件

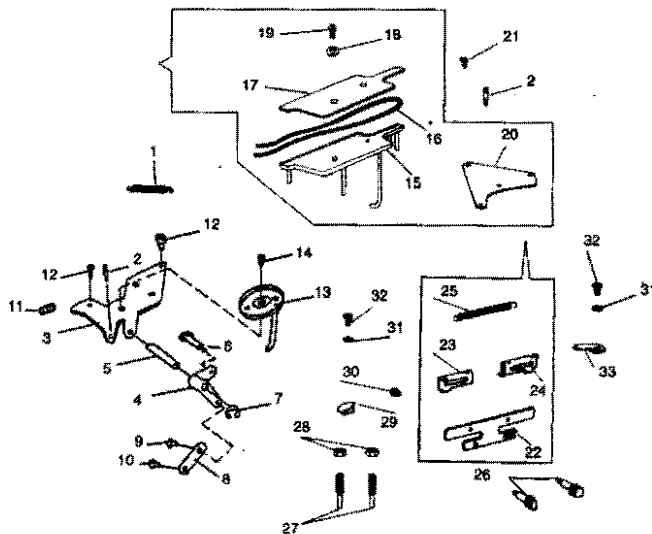
MATERIAL-FEEDING COMPONENTS



序号 NO	件 号 PART NO.	20U23	20U29D	20U33	20U43	20U53	20U53A	20U53B	20U53-5	20U63	20U143	457A	457B	457C	457D	数量 QTY	名 称 DESCRIPTION
1	GR504/4-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	抬牙连杆组件 Toothed connecting bar components
2	GS142-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	抬牙连杆螺钉 Toothed connecting bar screw
3	GR268-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	油毡 Oil felt
4	GR267-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	牙叉 Toothed fork
5	GC142-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	3	小圆锥螺母 Small cone nut
6	GS188-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	3	小圆锥螺钉 Small cone screw
7	GH157-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针距座连杆 Connecting bar of needle distance base
8	GS283-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	牙叉小圆锥螺钉 Toothed fork small cone screw
9	GR336-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针距座 Needle distance base
	GR734-8	-	-	-	-	*	*	*	*	-	-	-	-	-	-	1	针距座 Needle distance base
10	GS263-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针距座支头螺钉 Screw of needle distance base
11	GL142-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	小圆锥螺母 Pointed nut
12	GS185-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	送布曲柄螺钉 Crank screw of material-feeding tooth
13	GZ209-8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	送布轴 Cloth-feeding shaft
	GZ152-8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	送布轴 Cloth-feeding shaft
14	GR512-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	送布轴油线 Cloth-feeding shaft oil level
15	GR265-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	牙架 Tooth rack
16	GS183-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	牙架小顶尖螺钉 Pointed screw of tooth rack
17	GL140-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	牙架小顶尖螺母 Pointed nut of tooth rack
18	GZ151-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	抬牙轴 Toothed shaft
	GZ208-8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	抬牙轴 Toothed shaft
19	GR1459-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	抬牙轴油线 Toothed shaft oil level
20	GM142-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	送料牙 Material-feeding shaft
	GM160-8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	送料牙 Material-feeding shaft
	GM204-8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	送料牙 Material-feeding shaft
	GM207-8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	送料牙 Material-feeding shaft screw
21	GS184-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	送料牙螺钉 Material-feeding shaft
22	GM221-8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	圆形送料牙 Material-feeding set
23	GR441-8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	送料座 Feed base

差动、油盘组件

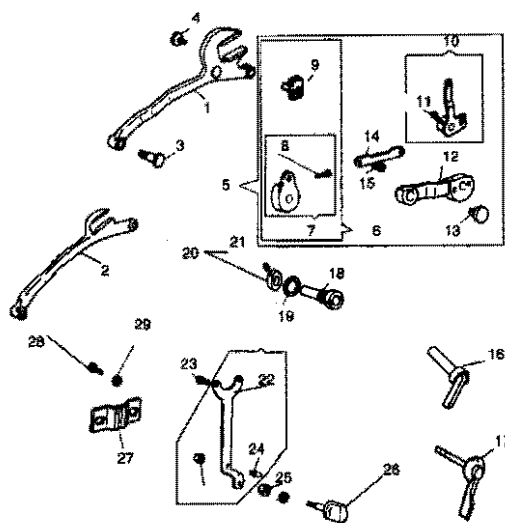
DIFFERENTIAL,OIL COMPONENTS



序号 NO	件 号 PART NO.	20U23	20U30	20U33	20U43	20U53	20U53A	20U53B	20U53-5	20U63	20U143	457A	457B	457C	457D	数量 QTY	名 称 DESCRIPTION	
1	GW141-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针调节曲柄弹簧	Spring for adjusting crank
2	GS212-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	拉簧螺钉	Screw of extension spring
3	GR299/2-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	差动曲柄定位架组件	Locating rack components
	GR390/2-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	差动曲柄定位架组件	Locating rack components
4	GH180/3-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	差动曲柄组件	Differential crank components
	GH210/3-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	差动曲柄组件	Differential crank components
5	GZ175-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	差动连接轴	Differential connecting shaft
6	GS219-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	差动连杆连接螺钉	Screw of differential connecting bar
7	GO177-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	差动连接轴挡圈	Retainer of differential connecting shaft
8	GH179-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	小差动连杆	Differential connecting shaft
9	GS216-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	差动连杆连接螺钉	Screw of differential connecting bar
10	GS217-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针滑块连接螺钉	Connecting screw for sliding block
11	GS213-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	差动曲柄定位架轴套头螺钉	Set screw of locating rack sleeve
12	GS256-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	差动曲柄定位架螺钉	Screw of locating rack
13	GR297-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	小油盘	Oil tray
14	GS132-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	小油盘螺钉	Oil tray screw
15	GR382/6-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	小油盘	Oil tray
	GR474/6-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	小油盘	Oil tray
16	GR389-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	油纱带	Oil gauze
17	GR388-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	油毡毡	Wheel of oil tray
18	GO217-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	平垫圈	Flat washer
19	GS132-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	小油盘螺钉	Screw of oil tray
20	GR469-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	小油盘安装板	Oil tray set base
21	GS256-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	小油盘安装板螺钉	Screw of oil tray set base
22	GR294-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针针距定位架	Locating rack for needle distance
23	GR290-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针针距调节架(A)	Locating rack for needle distance(A)
24	GR291-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针针距调节架(B)	Locating rack for needle distance(B)
25	GW142-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针针距定位架拉簧	Extension spring of locating rack
26	GS253-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	摆针定位螺钉	Locating screw
	GS383-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	摆针定位螺钉	Locating screw
27	GS215-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	摆针定位块调节螺钉	Adjusting screw of locating block
28	GL153-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	摆针定位块调节螺母	Adjusting nut of locating block
29	GR289-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针针距左定位块	Locating block for needle block
30	GS213-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	摆针针距定位架螺钉	Screw of locating block
31	GO174-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	摆针针距定位块垫圈	Washer of locating block
32	GS256-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	摆针针距定位块螺钉	Screw of locating block
33	GR295-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针针距右定位块	Right locating block for needle distance
	GR289-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针针距右定位块	Right locating block for needle distance
	GR366-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针针距右定位块	Right locating block for needle distance
	GR1375-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针针距右定位块	Right locating block for needle distance

摆针组件

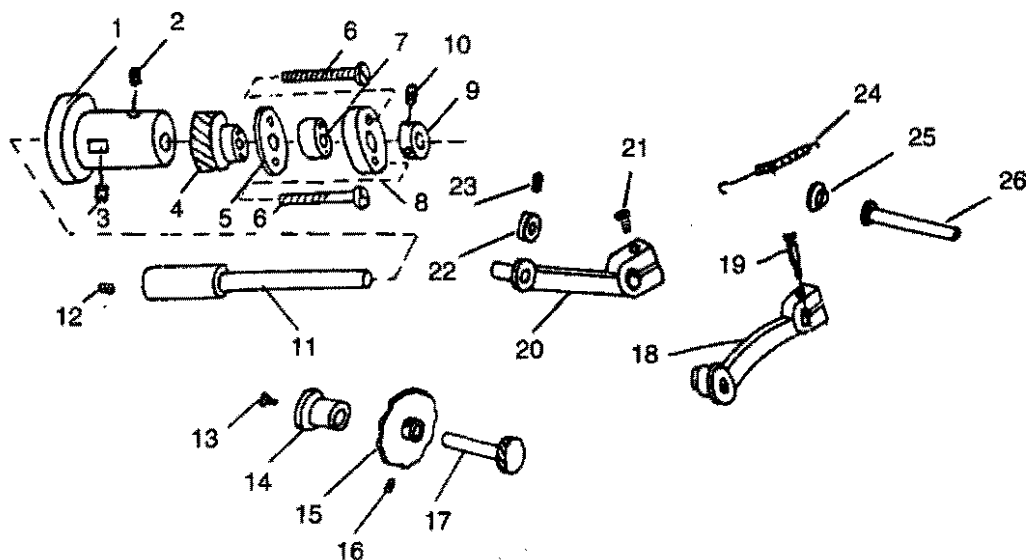
COMPONENTS OF SWAYING NEEDLE



序号 NO	件 号 PART NO.	20023	20023D	20035	20043	20053	20053A	20053B	20053-#	20063	200743	457A	457B	457C	457D	数量 QTY	名 称 DESCRIPTION	
1	GR288-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	横针拨叉	Fork of horizontal needle
	GR381-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	横针拨叉	Fork of horizontal needle
	GR402-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	横针拨叉	Fork of horizontal needle
2	GR457-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	横针拨叉	Fork of horizontal needle
3	GX155-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针杆偏心销	Eccentric pin of needle staff
4	GS291-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针滑块螺钉	Screw of sliding block
	GS217-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针滑块螺钉	Screw of sliding block
5	GR521/12-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针定位组件	Locating block of swaying needle compone
6	GR519/3-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针滑块组件	Sliding block of swaying needle component
7	GR298-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针导块座	Guide base of swaying needle
	GR393-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针导块座	Guide base of swaying needle
8	GS185-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针导块座螺钉	Screw of guide base of swaying needle
9	GU140-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针滑块	Sliding block of swaying needle
10	GR292/2-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针调节曲柄组件	Adjusting crank component
	GR407/2-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针调节曲柄组件	Adjusting crank component
11	GS214-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针调节曲柄套螺钉	Screw of adjusting crank sleeve
12	GR296-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针定位块	Locating block of swaying needle
	GR459-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针定位块	Locating block of swaying needle
13	GX154-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针导块连接销	Connecting pin of guide
14	GH178-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针调节连杆	Adjustable connecting bar
15	GS216-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	3	差动连杆连接螺钉	Connecting screw of differential connecting
16	GR392/2-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针扳手组件	Spanner of swaying needle component
17	GR731/2-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针扳手组件	Spanner of swaying needle component
18	GO179-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针扳手轴套	Spanner sleeve
	GO286-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针扳手轴套	Spanner sleeve
19	GO211-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针扳手轴套垫圈	Washer of spanner sleeve
20	GO178-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针扳手定位挡圈	Locating retainer of spanner
21	GR218-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	摆针扳手定位挡圈螺钉	Screw of locating retainer of spanner
22	GR394-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	单边曲折调节架	Adjusting rack
	GR1427-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	单边曲折调节架	Adjusting rack
23	GS223-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	单边曲折调节架螺钉	Screw
24	GS281-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	单边曲折定位钉	Locating pin of adjusting rack
	GS701-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	单边曲折定位钉	Locating pin of adjusting rack
25	GL163-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	单边曲折定位钉螺母	Locating pin nut of adjusting rack
	GR235-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	单边曲折定位钉螺母	Locating pin nut of adjusting rack
26	GR411-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	单边曲折手柄	Handle component
	GR729-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	单边曲折手柄	Handle component
27	GR395-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	单边曲折定位架	Locating rack
	GR468-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	单边曲折定位架	Locating rack
	GR1427-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	单边曲折定位架	Locating rack
28	GS273-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	单边曲折定位架螺钉	Screw of locating rack
29	GO217-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	单边曲折定位架垫圈	Washer of locating rack

摆针花模组件

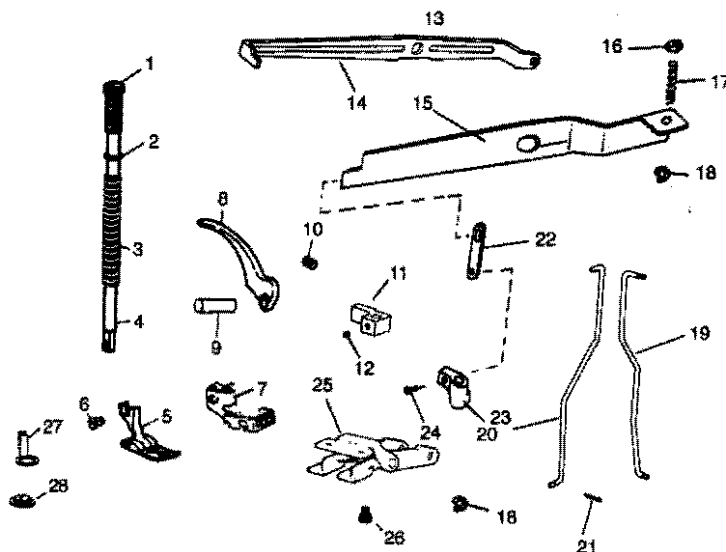
COMPONENTS OF SWAYING NEEDLE



序号 NO	件 号 PART NO.	20U23	20U23D	20U33	20U43	20U53A	20U53B	20U53F	20U63	20U143	457A	457B	457C	457D	数量 QTY	名 称 DESCRIPTION
1	GO180-8	*	*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	摆针轴套 Sleeve of swaying needle
2	GS199-8	*	*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	摆针轴固定螺钉 Fastening screw of swaying needle shaft
3	GS147-8	*	*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	摆针轴套螺钉 Screw of sleeve of swaying needle
4	GC146-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针齿轮 Gear of swaying needle
5	GO181-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	偏心挡圈 Eccentric retainer
6	GO212-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	偏心挡圈 Eccentric retainer
7	GS221-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	摆针偏心凸轮连接螺钉 Connecting screw of eccentric cam
8	GT145-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针偏心凸轮 Eccentric cam
9	GT151-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针偏心凸轮 Eccentric cam
10	GT181-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针偏心凸轮 Eccentric cam
11	GO182-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针偏心凸轮后挡圈 Back retainer of eccentric cam
12	GO213-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针偏心凸轮后挡圈 Back retainer of eccentric cam
13	GO183-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针轴挡圈 Retainer of swaying needle shaft
14	GS223-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	摆针轴挡圈螺钉 Screw of retainer of swaying shaft
15	GZ177-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针轴 Swaying needle shaft
16	GZ203-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针轴 Swaying needle shaft
17	GZ219-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针轴 Swaying needle shaft
18	GS147-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	摆针轴螺钉 Screw of swaying needle shaft
19	GS166-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	斜牙螺钉 Left-hand screw
20	GO226-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	斜齿轮套 Leaning gear sleeve
21	GR461/2-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	花模组件 Cam component
22	GR1314/2-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	花模组件 Cam component
23	GR1881/2-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	花模组件 Cam component
24	GS202-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	花模套螺钉 Sleeve screw of cam component
25	GC149-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	斜齿轮 Leaning gear
26	GC175-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	斜齿轮 Leaning gear
27	GR458/3-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	拨叉驱动杆组件 Regulator fork drive lever component
28	GS285-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	驱动杆螺钉 Screw of drive lever
29	GR460/3-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	从动杆组件 Following lever component
30	GS202	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	从动杆螺钉 Screw of following lever
31	GO164-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	从动轴挡圈 Washer of following lever
32	GS202-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	挡圈螺钉 Washer screw
33	GW178-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	拉簧 Spring
34	GR243	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	橡皮塞 Rubber cap
35	GZ222-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	从动轴 Following shaft

压脚组件

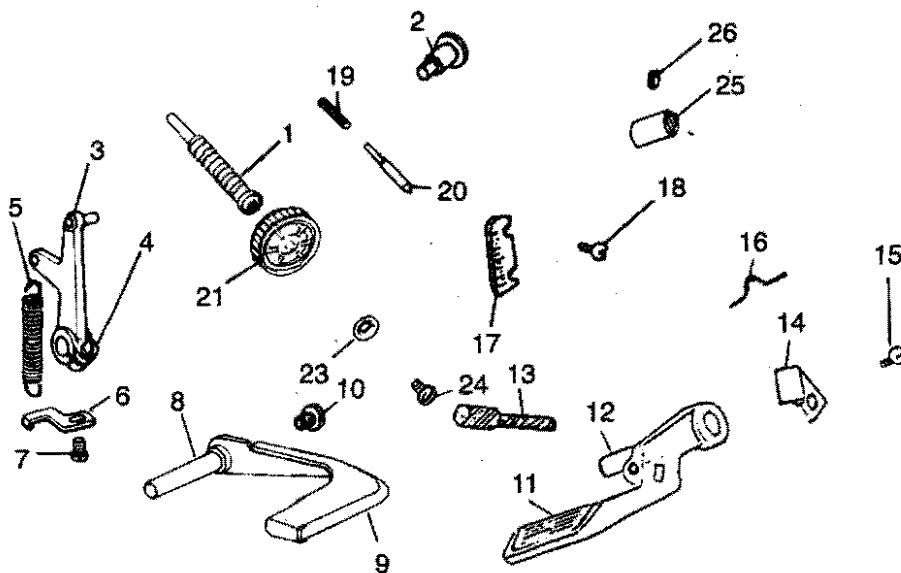
COMPONENTS OF PRESSER FOOT



序号 NO	件号 PART NO.	20/22	20/23D	20/23	20/43	20/53	20/53A	20/53B	20/53C	20/53D	20/143	457A	457B	457C	457D	数量 QTY	名称 DESCRIPTION
1	GS234-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	调压螺钉 Screw for presser-adjusting
2	GS384-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	调压螺钉 Screw for presser-adjusting
3	GC178-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	调压螺母 Screw for presser-adjusting
4	GW153-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	压杆簧 Presser bar spring
5	GZ187-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	压杆 Presser bar
6	GR465/4-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	压脚组件 Presser foot component
7	GR327/4-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	压脚组件 Presser foot component
8	GR531/4-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	压脚组件 Presser foot component
9	GM206-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	高低斜压脚 Presser foot
10	GS231-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	压脚螺钉 Screw of presser foot
11	GR1000-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	保针架 Finger guard
12	GR1001-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	保针架 Finger guard
13	GR322-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	压脚扳手 Spanner
14	GR733-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	压脚扳手 Spanner
15	GX183-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	压脚扳手销 Spanner pin
16	GX186-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	压脚扳手销 Spanner pin
17	GS232-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	压脚扳手销螺钉 Spanner pin screw
18	GR324-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	压架导架 Presser bar bracket
19	GR398-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	压架导架 Presser bar bracket
20	GS232-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	压架导架螺钉 Screw of bracket
21	GS235-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	抬压脚杆螺钉 Screw of presser foot lever
22	GZ204-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	抬压脚杆 Presser foot lever
23	GZ217-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	抬压脚杆 Presser foot lever
24	GZ188-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	抬压脚杆 Presser foot lever
25	GL154-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	抬压脚杆螺母 Presser bar nut
26	GW154-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	抬压脚杆弹簧 Presser bar spring
27	GO183-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	拉杆弹性挡圈 Presser bar washer
28	GZ190-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	膝提横针拉杆 Rod of horizontal needle
29	GZ206-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	膝提横针拉杆 Rod of horizontal needle
30	GZ189-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	抬压脚杆 Rod of presser foot
31	GZ205-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	3	抬压脚杆 Rod of presser foot
32	GX184-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	开口销 Open-pin
33	GH191-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	连接杆 Connecting bar
34	GR323-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	板板定位座 Locating base of plate
35	GS233-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	连接杆螺钉 Screw of connecting bar
36	GR328/10-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	膝提定位座组件 Knee-control locating base component
37	GS236-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	膝提杆座螺钉 Knee-control lever base screw
38	GR539-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	圆形压脚 Presser foot
39	GR540-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	套圈 Ferrule

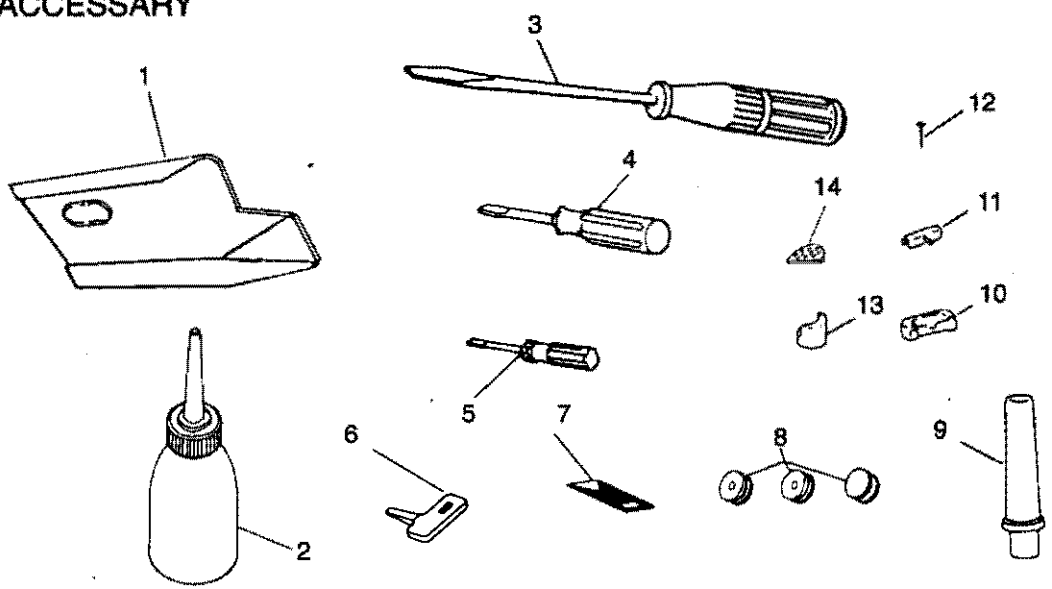
倒顺针距组件

COMPONENTS OF NEEDLE DISTANCE OF REVERSAL STITCH



序号 NO	件 号 PART NO.	20123	20124	20133	20143	20153	20153A	20153B	20153C	20143	457A	457B	457C	457D	数量 QTY	名 称 DESCRIPTION
1	GS248-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针距调节螺杆 Adjusting screw for needle distance
2	GS413-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针距调节螺杆 Adjusting screw for needle distance
3	GX177-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针距座销 Needle distance base pin
4	GR342/2-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	倒针曲柄组件 Crank component
5	GS142-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	倒针曲柄螺钉 Crank screw
6	GW166-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	倒针复位拉簧 Restoring extension spring of reversal stitch
7	GR339-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	倒针复位拉簧钩 Spring hook
8	GS256-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	倒针复位拉簧钩螺钉 Screw of spring hook
9	GX178-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	倒针扳手轴 Reversal stitch spanner shaft
10	GR338-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	倒针扳手 Spanner of reversal stitch
11	GS247-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	倒针扳手螺钉 Screw of spanner
12	GR735-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	倒针扳手 Spanner of reversal stitch
13	GZ249-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	倒针扳手轴 Reversal stitch spanner shaft
14	GS385-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	倒针调节螺钉 Regulating screw of reversal stitch
15	GR736-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	倒针调节挡板 Regulating plate of reversal stitch
16	GS386-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	调节挡板螺钉 Screw of regulating plate
17	GW200-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	倒针调节螺钉锁紧弹簧 Regulating screw clamping spring
18	GR737-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	倒针调节指示牌 Feed reverse regulating indicating-dial
19	GS42	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	倒针调节指示牌螺钉 Screw of indicating-dial
20	GW167-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针距定位钉压簧 Feed regulating stud lock pin spring
21	GX179-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针距定位钉 Feed regulating stud lock pin
22	GR399-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针距旋钮 Feed regulating dial
23	GR738-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针距旋钮 Feed regulating dial
24	GO380-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针距旋钮螺钉垫圈 Feed regulating dial stud washer
25	GS249-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针距旋钮螺钉 Feed regulating dial stud
26	GS387-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	针距旋钮螺钉 Feed regulating dial stud
	GO204-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	方牙螺母 Toothed nut
	GS201-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	方牙螺母支头螺钉 Screw of toothed nut

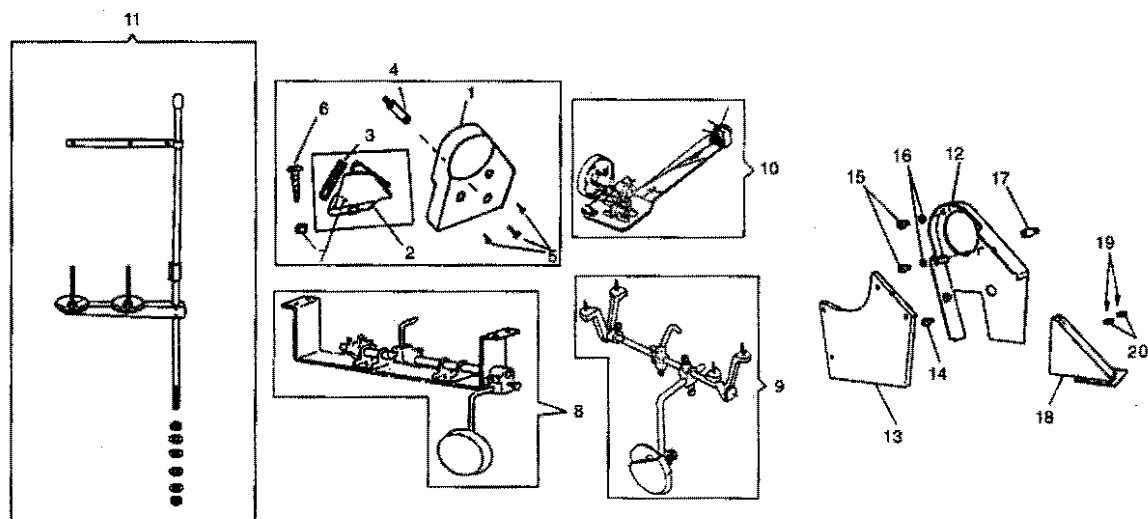
ACCESSARY



序号 NO	件 号 PART NO.	20123	20123D	20133	20143	20153	20153A	20153B	20153-E	20163	201143	457A	457B	457C	457D	数量 QTY	名 称 DESCRIPTION	
1	GR351-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	大油盘	Oil reservoir
	GR413-8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	大油盘	Oil reservoir
	GR404-8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	大油盘	Oil reservoir
2	GF117-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	油囊	Oiler
3	GF114-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	螺丝刀(大)	Screwdriver(L)
4	GF115-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	螺丝刀(中)	Screwdriver(M)
5	GF116-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	螺丝刀(小)	Screwdriver(S)
6	GR788-8	-	-	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	T形开刀	T-type open knife
7	GV130-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1包	机针	Needle
8	GN132-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	3	梭心	Bobbin
9	GBR211-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	机头柱	Machine head pole
10	GR1593	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	机头连接钉座	Machine head hinge cushion rubber
11	GR696/2-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	机头连接勾部件	Machine head hinge complete
12	GBX141-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	8	机头座圈钉	Oil reservoir nail
13	GBR204-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	机头座垫	Machine head cushion
14	GBR205-8	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	机头座垫	Machine head cushion

皮带罩、过线器、绕线器、膝提组件

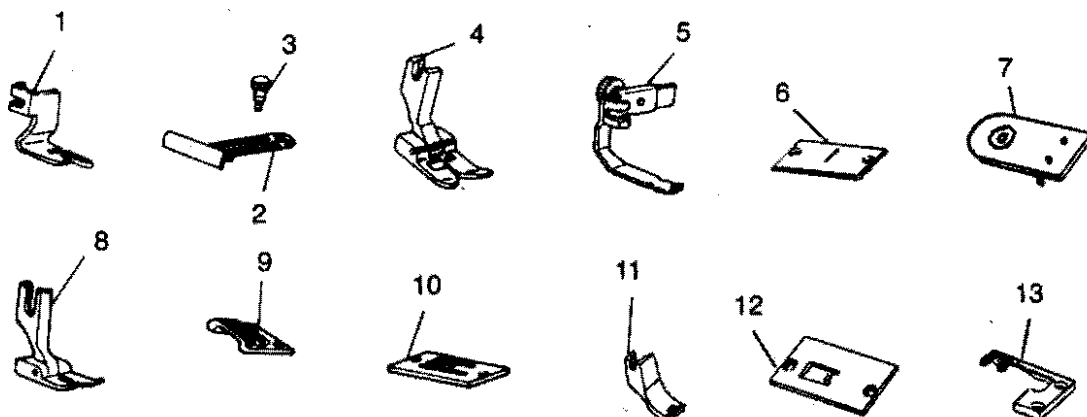
BELT COVER/THREAD-RUNNING COMPONENTS/BOBBIN WINDER/KNEE LIFTER ASSEMBLY



序号 NO	件 号 PART NO.	20U23	20U23D	20U33	20U43	20U53	20U53A	20U53B	20U53C	20U53D	20U143	457A	457B	457C	457D	数量 QTY	名 称 DESCRIPTION	
1	GR525-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轮罩壳	Hand wheel cover
2	GK155-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轮后罩壳	Hand wheel back cover
3	GK156-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	上轮后罩壳盖	Hand wheel back cover cap
4	GS654-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	后罩壳支柱	Back cover pole
5	GS360-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	3	罩壳支柱螺钉	Pole screw
6	GBS204-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	后罩壳安装木螺钉	Back cover wood screw
7	GBR210-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	木螺钉垫圈	Wood screw washer
8	GR1315/18-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	膝提组件	Knee lifter complete
9	GR1110/18-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	膝提组件	Knee lifter complete
10	GR759/25-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	绕线器组件	Thread-winding component
11	GR760/25-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	双线圈架组件	Thread stand
12	GS3341-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	防护罩前盖板	Belt guard (upper)
13	GS2330-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	防护罩面盖板	Belt guard (upper) cover
14	GR3342-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	防护罩大螺钉	Belt guard (upper) screw
15	GR3343-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	防护罩小螺钉	Belt guard (upper) screw
16	GO2332-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	小螺钉垫片	Belt guard (upper) screw washer
17	GS3344-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	支承螺钉	Belt guard (upper) screw std
18	GR2332-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	1	皮带后罩	Belt guard (lower)
19	GS204-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	皮带后罩螺钉	Belt guard (lower) wood screw
20	GR210-8	-	-	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	*	2	螺钉垫圈	Belt guard (lower) wood screw washer

备用件

STANDBY PARTS



序号 NO	件 号 PART NO.	20023	20023Q	20033	20043	20053	20053A	20053B	20053-4	20063	200143	457A	457B	457C	457D	数量 QTY	名 称 DESCRIPTION	
1	FM108-8	-	-	*	*	*	*	-	*	*	*	-	-	-	-	1	包边压脚	Hemmer foot
2	FM105-8	-	-	*	*	*	*	-	*	*	*	-	-	-	-	1	包边挡板	Hemmer edge guide
3	GS655-8	-	-	*	*	*	*	-	*	*	*	-	-	-	-	1	包边挡板螺钉	Hwm edge guide screw
4	GM172-8	-	-	-	-	*	*	-	*	*	*	-	-	-	-	1	扣眼压脚	Buttonhole foot
5	FM109/3-8	-	-	*	*	*	*	-	*	*	*	-	-	-	-	1	拉链缝压脚组件	Zipper foot complete
6	GM134-8	-	-	*	*	*	*	-	*	*	*	-	-	-	-	1	绣花板	Emboidery plate
7	GM134/4-8	-	-	*	*	*	*	-	*	*	*	-	-	-	-	1	绣花板	Emboidery plate
8	FM107/4-8	-	-	*	*	*	*	-	*	*	*	-	-	-	-	1	平缝压脚部件	Straight stitch foot complete
9	FM106-8	-	-	*	*	*	*	-	*	*	*	-	-	-	-	1	平缝送料牙	Straight stitch feed dog
10	FM104-8	-	-	*	*	*	*	-	*	*	*	-	-	-	-	1	平缝针板	Straight stitch throat plate
11	FM103-8	-	-	*	*	*	*	-	*	*	*	-	-	-	-	1	包梗压脚	Hem stem presser foot
12	FM100-8	-	-	*	*	*	*	-	*	*	*	-	-	-	-	1	包梗针板	Hem stem needle plate
13	FM101-8	-	-	*	*	*	*	-	*	*	*	-	-	-	-	1	包梗送料牙	Hem stem feed dog